

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Phước Cường;
- Bà Võ Thị Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Liêm, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Phường đội, phường C, Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Dương Ngọc L, sinh ngày 10/10/1990, tại thành phố X - tỉnh An Giang; nơi cư trú: số 153 D, khóm E, phường C, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Q, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Bích P (đã chết); anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai và chưa có vợ, con.

Nhân thân:

- Ngày 04/3/2004, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) X, tỉnh An Giang, quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”;

- Ngày 20/6/2007, Tòa án nhân dân thị xã nay là thành phố) X, tỉnh An Giang kết án 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 24/3/2008, chấp hành xong;

- Ngày 29/10/2008, Toà án nhân dân thị xã (nay là thành phố) X, tỉnh An Giang kết án 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 04/8/2009, chấp hành xong;

- Ngày 07/02/2018, Toà án nhân dân F, thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 16 tháng, đến ngày 20/3/2019, chấp hành xong.

Tiền án:

- Ngày 20/01/2010, Toà án nhân dân thị xã (nay là thành phố) X, tỉnh An Giang, kết án 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, đến ngày 14/10/2016, chấp hành xong.

- Ngày 13/11/2019, Toà án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang, kết án 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (bản án xác định tái phạm), đến ngày 06/9/2021, chấp hành xong.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021, đến ngày 24/12/2021 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Quách Văn T, sinh năm 1998; nơi cư trú: tổ 20, khóm G, phường Z, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ 01, khóm M, phường N, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 24, khóm M, phường N, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Chị Trần Ngọc Th, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền sử dụng ma túy, Dương Ngọc L nảy sinh ý định đi tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 19 giờ ngày 21/12/2021, trong lúc một mình đi bộ, L nhìn thấy xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn vàng - đen (màu sơn gốc: đỏ - đen), biển số 83P3-629.71 đậu gần sạp bán gà, không người trông giữ tại khu vực chợ X (tổ 28, khóm 5, phường N, thành phố X). L dùng chìa khóa xe mô tô nhét được trước đó mở khóa, lấy trộm xe, chạy đến tiệm cầm đồ V (tổ 01, khóm M, phường N, thành phố X), cầm cho Nguyễn Công N (chủ tiệm Cầm đồ), lấy 2.000.000đồng, mua ma túy sử dụng hết. Đến chiều ngày 22/12/2021, L kêu bán xe mô tô trên với giá 2.300.000đồng cho Nguyễn Minh S; L giao phiếu cầm xe cho S, lấy 300.000đồng, mua ma túy sử dụng hết; còn S đến gặp N trả 2.000.000đồng và mang xe về sử dụng. Phát hiện mất trộm, T trình báo Công

an, L đến Cơ quan Công an đầu thú; còn S mang xe giao nộp; riêng N, sau khi nhận cầm xe, thấy chìa khóa xe đã cũ và bị gãy nên ném bỏ, Cơ quan Công an đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn vàng - đen (màu sơn gốc: đỏ - đen), biển số 83P3-629.71; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83P3-629.71, tên Trần Ngọc Th (đã chuyển giao Chi cục Thi hành án dân sự); 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 căn cước công dân cùng mang tên Quách Văn T (đã trả lại cho bị hại Quách Văn T).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KL-ĐG, ngày 24/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố X xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn vàng (màu sơn gốc: đỏ - đen), biển số 83P3-629.71; số máy: E3X9E319695; số khung: 3220HY072196, đã qua sử dụng. Tỷ lệ sử dụng còn lại: 50%; giá trị còn lại: 7.000.000đồng (bảy triệu đồng).

Ngày 24/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tạm giam đối với Dương Ngọc L để điều tra, xử lý.

Tại Cáo trạng số: 21/CT-VKSCĐ-HS ngày 18/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố bị cáo Dương Ngọc L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự 2015).

Tại phiên tòa,

Bị cáo L khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố; bị cáo thống nhất với kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X lập. Bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông S số tiền 2.300.000đồng.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của bị hại Quách Văn T; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Công N, Nguyễn Minh S, Trần Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và lời khai của bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định do cần tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại T. Theo kết luận định giá, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 7.000.000đồng; bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích, tiếp tục có hành vi trộm cắp xe mô tô của bị hại T. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Bị cáo L có nhân thân xấu, có 02 tiền án, không tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và đầu thú; thuộc thành phần lao động, học lực thấp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Dương Ngọc L từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, biển số 83P3-629.71 do Trần Ngọc Th đứng tên chủ sở hữu, khoảng năm 2020, Thanh đã bán lại xe mô tô cho T, không làm giấy tờ mua bán nên có cơ sở xác định T là người quản lý hợp pháp đối với xe mô tô. Xe mô tô, biển số 83P3-629.71 bị cáo lén lút chiếm đoạt của bị hại T, ông T có yêu cầu được nhận lại xe nên đề nghị giao trả xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, biển số 83P3-629.71 cho ông T.

Về trách nhiệm dân sự, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh S có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.300.000đồng đã mua xe của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông S nên ghi nhận buộc bị cáo thực hiện.

Đối với Nguyễn Công N và Nguyễn Minh S đã nhận cầm và mua xe do bị cáo L mang đến giao dịch nhưng không biết do trộm cắp mà có, tuy không xử lý nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

Trường hợp Nguyễn Công N nhận cầm xe do bị cáo L mang đến giao dịch nhưng không thuộc sở hữu của bị cáo L, không có giấy ủy quyền hợp lệ, vi phạm các quy định về quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Trưởng Công an thành phố X xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, trong lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt cao để có nhiều thời gian tự nhận thức cải tạo, sửa đổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Quách Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Công N, Nguyễn Minh S, Trần Ngọc Th vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận, do cần tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài, khoảng 19 giờ ngày 21/12/2021, trong lúc một mình đi bộ, bị cáo phát hiện chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn vàng - đen, biển số 83P3-629.71 đậu gần sạp bán gà tại khu vực chợ X không người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Bị cáo dùng chìa khóa xe nhặt được trước đó đề máy, khởi động xe và điều khiển đến tiệm cầm đồ Vcầm cho ông Nguyễn Công N lấy 2.000.000đồng, mua ma túy sử dụng hết. Đến chiều ngày 22/12/2021, bị cáo kêu bán xe mô tô trên cho Nguyễn Minh S với giá 2.300.000 đồng thì S đồng ý mua nên bị cáo đưa phiếu cầm xe cho S, lấy 300.000đồng do S đưa và mua ma túy sử dụng hết. Ngày 23/12/2021, bị cáo đến đầu thú tại Công an phường N, thành phố X.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp về thời gian, địa điểm và diễn biến hành vi mà bị cáo đã thực hiện; phù hợp với các nguồn chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa như biên bản lời khai của bị hại T về việc bị mất trộm xe mô tô, biển số 83P3-629.71 đậu gần sạp bán gà tại khu vực chợ X; lời khai ông Nguyễn Công N về việc có nhận cầm của bị cáo xe mô tô, biển số 83P3-629.71 với giá 2.000.000đồng; lời khai ông Nguyễn Minh S về việc có đồng ý mua lại xe mô tô, biển số 83P3-629.71 của bị cáo với giá 2.300.000đồng, nhận phiếu cầm xe do bị cáo đưa và trả cho bị cáo số tiền 300.000đồng.

Lời khai của bị cáo còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng sơ đồ hiện trường ngày 24/12/2021 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X lập; vật chứng bị thu giữ là 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 83P3-629.71 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số 83P3-629.71 mang tên Trần Ngọc Th.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông T.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KL-ĐG, ngày 24/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố X xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn vàng (màu sơn gốc: đỏ - đen), biển số 83P3 – 629.71; số máy: E3X9E319695; số khung: 3220HY072196, đã qua sử dụng trị giá: 7.000.000đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc L dụng tài sản không có người trông coi, quản lý để thực hiện hành vi chiếm đoạt, nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa.

Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang có 02 tiền án do bị Tòa án nhân dân thị xã X (nay là thành phố X) xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” vào ngày 20/01/2010, chấp hành xong hình phạt ngày 14/10/2016 và bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 13/11/2019, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/9/2021.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì háms lợi, nghiện ma túy, muốn có tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Bên cạnh đó, ngoài các tiền án, bị cáo còn 01 lần bị xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng; 02 lần bị Tòa án xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Điều này thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt, ý thức chấp hành pháp luật kém. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế và đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại T 01 căn cước công dân số: 089098001028, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/4/2021; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số: 890204010941, do Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang cấp ngày 05/8/2020 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

Đối với 01 xe mô tô biển số 83P3-629.71, đã qua sử dụng; đây là xe mô tô thuộc quyền quản lý hợp pháp của ông T thông qua hợp đồng mua bán tài sản với chị Trần Ngọc Th; L dụng lúc ông T sơ hở bị cáo lấy trộm xe mô tô và ông T có yêu cầu được nhận lại xe. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, giao trả cho ông T 01 xe mô tô biển số 83P3-629.71, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 197543, do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/7/2018 mang tên Trần Ngọc Th là giấy tờ đi kèm với hợp đồng mua bán xe mô tô biển số 83P3-629.71, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius nên giao trả lại cho bị hại T.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại T yêu cầu được nhận lại xe mô tô, biển số 83P3-629.71 cùng giấy tờ xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản nên không đề cập giải quyết.

Hợp đồng mua bán xe mô tô, biển số 83P3-629.71 giữa bị cáo với ông S là vô hiệu. Trong giai đoạn điều tra, ông S yêu cầu bị cáo bồi thường 2.300.000đồng từ việc mua xe do không biết xe mô tô này do phạm tội mà có; việc ông S yêu cầu bị cáo bồi thường là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 và các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông S nên ghi nhận và buộc bị cáo bồi thường cho ông S số tiền 2.300.000đồng.

[9] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Công N và Nguyễn Minh S đã nhận cầm và mua xe mô tô biển số 83P3-629.71 từ bị cáo. Khi nhận cầm và mua xe, ông N, ông S không biết xe mô tô này do phạm tội mà có. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông N, ông S là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, công khai giáo dục tại phiên tòa nhằm phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với ông Nguyễn Công N đã có hành vi “Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” là vi phạm quy định về quản lý ngành, nghề kinh doanh

có điều kiện; Cơ quan điều tra chuyển vụ việc S xử lý hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

[10] Về án phí hình sự và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Dương Ngọc L: 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ ngày 23/12/2021 (*ngày hai mươi ba, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt*).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Dương Ngọc L bồi thường cho ông Nguyễn Minh S số tiền 2.300.000đồng (*Hai triệu, ba trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Giao trả cho ông Quách Văn T: 01 xe mô tô biển số 83P3-629.71, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn vàng, số máy: E3X9E319695, số khung: 3220HY072196, gương chiếu hậu bên trái không có phần kính, đã qua sử dụng (theo giấy chứng nhận đăng ký xe màu đỏ-đen) cùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 197543, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/7/2018.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Dương Ngọc L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Dương Ngọc L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Quách Văn T, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Công N, Nguyễn Minh S, Trần Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. X (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung